

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 270/2020/HC-PT

Ngày 20/8/2020;

V/v: *khởi kiện quyết định giải quyết  
khấu nại và bồi thường về đất.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Hùng;

*Các Thẩm phán:* Ông Ngô Hồng Phúc;

Ông Hoàng Mạnh Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hải, Thư ký của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Ông Đào Trọng Thuyết, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 32/2020/TLPT-HC ngày 13/01/2020 về việc khởi kiện “Yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại liên quan đến thu hồi đất và bồi thường”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2019/HC-ST ngày 30/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5663/2020/QĐ-PT ngày 04/8/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

**\* Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú tại Khu B1 Tr 2, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Lê Văn C và ông Nguyễn Đức L là các Luật sư của Văn phòng luật sư Lê C thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

**\* Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; địa chỉ trụ sở Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí tại Số 3, Trần Hưng Đạo, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch: Ông Bùi Văn Th là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng ninh (theo văn bản ủy quyền số 1963/UQ ngày 14/8/2020 của

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Uông B, tỉnh Quảng Ninh). Đại diện của người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa, song có văn bản xin được xét xử vắng mặt người bị kiện.

**\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:**

1. Ông Nguyễn Phúc Q - Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Uông B; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông Nguyễn Mạnh H1 và bà Trịnh Thị Thu C1 - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Uông B; vắng mặt tại phiên tòa.

**\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân thành phố Uông B, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn Th là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Uông B (theo văn bản ủy quyền số 1963a/UQ ngày 14/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Uông B, tỉnh Quảng Ninh). Người đại diện vắng mặt tại phiên tòa, song có văn bản xin được xét xử vắng mặt.

Những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân thành phố Uông B, tỉnh Quảng Ninh, gồm có:

+ Ông Nguyễn Phúc Q - Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Uông B; vắng mặt tại phiên tòa.

+ Ông Nguyễn Mạnh H1 và bà Trịnh Thị Thu C1 - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Uông B; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phương Đ và Ủy ban nhân dân phường Phương Đ, thành phố Uông B, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Minh T là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phương Đ, thành phố Uông B, tỉnh Quảng Ninh (theo văn bản ủy quyền số 15/UQ ngày 12/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phương Đ, thành phố Uông B tỉnh, tỉnh Quảng Ninh); vắng mặt tại phiên tòa, song có văn bản xin được xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân phường Phương Đ: Ông Nguyễn Văn H2 là Cán bộ địa chính Xây dựng đô thị và Môi trường phường Phương Đ; vắng mặt tại phiên tòa.

3. Ông Nguyễn Phúc L1, sinh năm 1963; địa chỉ: Khu Bí Tr 2, phường Phương Đ, thành phố Uông B, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Phúc L1 là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970 và ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu Bí Tr 2, phường Phương Đ, thành phố Uông B, tỉnh Quảng Ninh; đều có mặt tại phiên tòa.

## **TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:**

### **Người khởi kiện là bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Năm 1996, bà Nguyễn Thị H được ông Vũ Văn V cho diện tích đất 232,9m<sup>2</sup> tại khu Bí Tr 2, phường Phương Đ, thành phố Uông B, tỉnh Quảng Ninh có nguồn gốc sử dụng từ trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 trên đất có nhà ở. Năm 1992, thực hiện đo vẽ bản đồ giải thửa đã tách diện tích đất của ông V thành 03 thửa (Trong đó thửa 94 nằm trong hành lang an toàn giao thông theo Nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982 và thửa 93 nằm ngoài hành lang an toàn giao thông, thửa 92 thuộc hành lang đường sắt) thuộc tờ bản đồ số 17 thôn Bí Tr 2, xã Phương Đ. Một phần thửa 93 có diện tích 140m<sup>2</sup> đã được Ủy ban nhân dân thị xã Uông B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H, trong giấy chứng nhận ghi thửa 92 và bà H vẫn quản lý sử dụng diện tích đất thuộc hành lang an toàn giao thông để làm sân, lối đi và trồng cây bóng mát...

Năm 1996 - 1998, thực hiện mở rộng quốc lộ 18A từ tim đường đến chỉ giới giải phóng mặt bằng có khoảng cách 6,5m, thời điểm này ông V vẫn quản lý đất và đứng tên trên phương án bồi thường (Trong đó có đất của ông V 1.0m) thuộc đất hành lang an toàn giao thông và đã được đền bù giải phóng mặt bằng xong.

Ngày 04/8/2015, Ủy ban nhân dân thành phố Uông B, tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 4743/QĐ - UBND thu hồi 13,7m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm của bà H thuộc thửa số 94 để thực hiện dự án mở rộng quốc lộ 18A giai đoạn 2 và ban hành Quyết định số 4744/QĐ - UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ bà H số tiền 7.418.268đ.

Ngày 17/3/2017, Ủy ban nhân dân thành phố Uông B đã ban hành Quyết định số 1026/QĐ - UBND phê duyệt bổ sung phương án bồi thường đối với bà H số tiền 100.010.000đ.

Không đồng ý với việc xác định diện tích đất thu hồi và xác định loại đất thu hồi nên bà H đã có đơn đề nghị tới Ủy ban nhân dân phường Phương Đ và đã được Ủy ban nhân dân phường Phương Đ ban hành Văn bản số 149/UBND ngày 5/5/2017 trả lời nhưng bà H không đồng ý và đã có đơn khiếu nại yêu cầu xác định loại đất thu hồi là đất ở và xác định tổng diện tích đất thu hồi là 16,4m<sup>2</sup> để bồi thường theo giá đất ở.

Ngày 31/7/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phương Đ đã ban hành Quyết định số 244/QĐ-CT không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị H. Không đồng ý với Quyết định giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phương Đ, bà H tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Uông B.

Ngày 22/11/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Uông B ban hành Quyết định số 6862/QĐ - UBND giải quyết khiếu nại lần hai đối với bà H và không chấp nhận khiếu nại của bà H.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Uông B, bà H đã khởi kiện tại Tòa án yêu cầu:

Hủy Quyết định số 6862/QĐ - UBND ngày 22/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Uông B về việc giải quyết khiếu nại đối với bà Nguyễn Thị H; Xác định tổng diện tích đất thu hồi là 16,4m<sup>2</sup> là loại đất ở và bồi thường theo giá đất ở.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ bà H cung cấp các tài liệu chứng cứ gồm: Phương án bồi thường, Quyết định giải quyết khiếu nại...và trình bày diện tích đất thu hồi tại biên bản xác định ranh giới, mốc giới và diện tích thửa đất mà bà H ký nhận thể hiện diện tích giải phóng mặt bằng là 16,4m<sup>2</sup> và diện tích đất nằm trong hành lang an toàn giao thông có nguồn gốc hình thành từ trước năm 1980, được sử dụng vào mục đích để ở có đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâu dài theo Điều 20, khoản 4 Điều 56 Nghị định 43/2014/NĐ - CP và thực tế lần thu hồi đất trước đây năm 1986 - 1998 khi giải phóng mặt bằng đã bồi thường đất ở.

#### **Đại diện của người bị kiện trình bày:**

Căn cứ hồ sơ giải phóng mặt bằng năm 1996 - 1998 và bản chứng nhận nhà đất của Ủy ban nhân dân phường Phương Đông, thành phố Uông B, tỉnh Quảng Ninh lập ngày 25/6/2015 được bổ sung ngày 25/02/2017 và kết quả xác minh cũng như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà H. Diện tích đất của ông V năm 1992 được tách làm 03 thửa trong đó có 01 thửa nằm trong hành lang an toàn đường bộ tiếp giáp quốc lộ 18A và 01 thửa phía bên trong nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ năm 1996 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H một phần thửa đất ngoài hành lang an toàn giao thông có diện tích 140m<sup>2</sup> đất ở. Năm 1996 - 1998, thực hiện mở rộng quốc lộ 18A bà H đã bị giải phóng mặt bằng có chỉ giới giải phóng mặt bằng tính từ tim đường là 6,5m và được đền bù theo giá đất ở (Phương án bồi thường đứng tên ông V). Năm 2015, thực hiện mở rộng quốc lộ 18A giai đoạn 2 đã lấy thêm diện tích đất hành lang an toàn giao thông của 318 hộ dân thuộc địa bàn thành phố Uông B trong đó có đất do bà H sử dụng tính từ tim đường đến chỉ giới giải phóng mặt bằng có kích thước 10,10m, sau khi xác định chỉ giới giải phóng mặt bằng đã trừ đi phần đã giải phóng mặt bằng năm 1996 - 1998 (cụ thể 10,10m - 6,5m x chiều rộng thửa đất) còn lại 13,7m<sup>2</sup> là chính xác. Đối với việc xác định loại đất thu hồi và bồi thường giải phóng mặt bằng 13,7m<sup>2</sup> của bà H căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất ở của bà H đã được xác định nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn diện tích đất bị thu hồi thuộc đất hành lang an toàn giao thông không thuộc diện tích đất ở và ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên được xác định là đất trồng cây lâu năm theo quy định tại Điều 11 Luật đất đai năm 2013. Ngoài việc bồi thường về đất, tài sản trên đất thì người sử dụng đất còn được hỗ trợ giá trị 50% giá đất ở theo Quyết định số 4114/QĐ - UBND ngày 07/12/2016,

Quyết định số 500/QĐ - UBND ngày 17/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Do vậy, việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường và giải quyết khiếu nại với nội dung như trên là đúng quy định nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Quan điểm của Ủy ban nhân dân phường Phương Đông và Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí thống nhất với quan điểm của người bị kiện.

Ông Nguyễn Phúc L1: Trình bày thống nhất với người khởi kiện và không có yêu cầu độc lập.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổ chức đối thoại nhưng không thành về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, căn cứ, hình thức ban hành quyết định giải quyết khiếu nại và các quyết định có liên quan và phương pháp và cách tính khoảng cách xác định mốc giới giải phóng mặt bằng năm 1996 - 1998 và chỉ giới giải phóng mặt bằng năm 2015 người khởi kiện thống nhất với người bị kiện và không có tranh chấp nhưng không đồng ý trừ diện tích 2,7m<sup>2</sup> đã giải phóng mặt bằng năm 1996 - 1998 và loại đất thu hồi phải xác định bồi thường là đất ở.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện và người khởi kiện vẫn trình bày như nội dung trên và cho rằng diện tích thu hồi của bà H có trước 18/12/1980 cùng thửa đất với thửa đất có nhà ở được tách ra năm 1992 khi thiết lập hành lang giao thông, hồ sơ giải phóng mặt bằng năm 1996 - 1998 đều ghi đất ở, diện tích giải phóng mặt bằng năm 2015 xác định 16,4m<sup>2</sup> nên căn cứ vào khoản 4 Điều 11 Luật đất đai, khoản 1, Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ - CP, Nghị định 01/2017/NĐ - CP đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của người bị kiện trình bày thống nhất như nội dung đã trình bày ở trên và cho rằng diện tích đất thu hồi của bà H đã được quy hoạch là đất hành lang giao thông, diện tích đất không thu hồi bồi thường là đất đã được giải phóng mặt bằng và bồi thường năm 1996 - 1998 nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 35/2019/HC-ST ngày 30/7/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã căn cứ vào Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, 194 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 11, 204 Luật Đất đai 2013; Điều 18, 27, 28, 29, 30, 31, 36, 37, 38, 39, 40 Luật Khiếu nại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu hủy Quyết định số 6862/QĐ - UBND ngày 22/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh về việc giải quyết khiếu nại đối với bà Nguyễn Thị H và bác yêu cầu xác định tổng diện tích đất thu hồi 16,4m<sup>2</sup>, xác định đất thu hồi là loại đất ở và bồi thường theo giá đất ở.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/8/2019, bà Nguyễn Thị H kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên nội dung như đơn khởi kiện, theo đó vẫn giữ nguyên quan điểm như quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, đồng thời giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự đều không bổ sung thêm chứng cứ, tài liệu nào mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa đã phân tích, đánh giá về vụ án, cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ, không có tình tiết, chứng cứ hoặc tài liệu nào mới, cho nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa và các bên đương sự về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đánh giá và nhận định về vụ án như sau:

[1] Xem xét về đối tượng khởi kiện, thủ tục tố tụng và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 04/8/2015 UBND thành phố Uông B, tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định thu hồi đất số 4743/QĐ - UBND và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư số 4744/QĐ – UBND, ngày 17/3/2017, Ủy ban nhân dân thành phố Uông B đã ban hành Quyết định số 1026/QĐ - UBND phê duyệt bổ sung phương án bồi thường và ngày 11/4/2017 Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định cưỡng chế số 1570/QQĐ - UBND đối với bà Nguyễn Thị H nhưng bà H không đồng ý với việc xác định loại đất và diện tích đất bồi thường nên đã có đơn kiến nghị và được Ủy ban nhân dân phường Phương Đ có Văn bản số 149/UBND ngày 05/5/2017 trả lời nhưng bà H đã khiếu nại văn bản này, ngày 31/7/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phương Đ đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 244/QĐ-CT và ngày 22/11/2017 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Uông B ban hành Quyết định số 6862/QĐ - UBND giải quyết khiếu nại lần hai. Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại nên bà H đã khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 6862/QĐ - UBND. Đây là quyết định hành chính thuộc lĩnh vực quản lý đất đai bị khởi kiện. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án trong thời hạn luật định, còn thời hiệu khởi kiện, cho nên theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H:

Bà Nguyễn Thị H nêu yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 6862/QĐ - UBND ngày 22/11/2017 và một số quyết định khác có liên quan như Quyết định số 4743/QĐ-UBND ngày 04/8/2015, Quyết định số 4744/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông B, tỉnh Quảng Ninh...song thực chất là bà Nguyễn Thị H khiếu nại về nội dung của các quyết định, theo đó yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Uông B, tỉnh Quảng Ninh xem xét lại tổng diện tích đất mà bà bị thu hồi là 16,4m<sup>2</sup> (không phải là 13,7m<sup>2</sup>) (1); xác định đất bị thu hồi là loại đất ở và phải bồi thường theo giá đất ở (không phải đất bị thu hồi là đất trồng cây lâu năm) (2).

Theo nội dung đơn khởi kiện cũng như xét theo yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

**Thứ nhất, về xác định vị trí đất đã được bồi thường:** Theo bản đồ giải thửa năm 1992, khi thực hiện xác định mốc giới hành lang an toàn giao thông theo Nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng thì diện tích đất thực tế của bà H được tách thành 03 thửa trong đó diện tích đất thuộc hành lang an toàn giao thông không có nhà ở là thửa 94 (*Sổ mục kê năm 1992 ghi thửa đất này là loại ruộng đất GT*) và diện tích đất còn lại ngoài hành lang an toàn giao thông trên đất có nhà ở thuộc thửa 93. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H năm 1996 cũng xác định rõ diện tích đất được cấp là thuộc thửa 93 (Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chuyển thành thửa 92). Trong giai đoạn từ năm 1996 đến năm 1998 và năm 2003, thực hiện mở rộng Quốc lộ 18A và làm đường nước sạch, bà Nguyễn Thị H đã thuộc diện bị giải phóng mặt bằng, theo đó xác định chỉ giới giải phóng mặt bằng tính từ tim đường trở vào là 6,5m và đã được đền bù theo giá đất ở. Việc xác định mốc giới và bồi thường đã xong, cho nên không thể được Ủy ban nhân dân thành phố Uông B xem xét lại khi Nhà nước tiếp tục tiến hành giải phóng mặt bằng ở giai đoạn này là có căn cứ.

**Thứ hai, về xác định diện tích đất được bồi thường:** Năm 1996 - 1998 khi Nhà nước lấy một phần đất thuộc hành lang an toàn giao thông để mở rộng quốc lộ 18A đã xác định khoảng cách và vị trí, kích thước diện tích đất được lấy để mở rộng đường theo biên bản ngày 08/12/1998 được thể hiện tính từ tim đường vào đến ranh giới đất của chủ hộ khi chưa giải phóng mặt bằng có khoảng cách gồm phần đường từ tim đường đến viên đá bó vỉa (*Khi lập phương án bồi thường năm 2015, căn cứ bản đồ giải thửa năm 1992 tỷ lệ 1/1000 xác định kích thước 2,8m*) và tiếp đến phần đất lưu không 2,70m tính từ viên đá bó vỉa đường kéo vào bên trong thửa đất, phía bên trong là khoảng cách 1,0m là mốc giới đất giải phóng mặt bằng. Như vậy, thời điểm năm 1996 - 1998 mốc giới giải phóng mặt bằng tính từ tim đường vào đến chỉ giới giải phóng mặt bằng là 6,5m là phù hợp Bản đồ giải thửa năm 1992 tỷ lệ 1/1000 và Công văn số 2848/SGTVT - QLHT ngày 25/7/2015 và năm 2003 thực hiện giải phóng mặt bằng thi công đường nước sạch nhưng hộ bà H không có hồ sơ, tài liệu

nào thể hiện đã giải phóng mặt bằng năm 2003 cũng như được bồi thường nên không có cơ sở để trừ phần này và chỉ có cơ sở xác định chỉ giới giải phóng mặt bằng là 6,5m. Năm 2015, kích thước và chỉ giới giải phóng mặt bằng được thể hiện khoảng cách thực tế từ tim đường vào đến chỉ giới mặt bằng có kích thước cụ thể 10,10m. Như vậy, để xác định diện tích đất được thu hồi, UBND thành phố Uông B phải lấy kích thước tính từ tim đường vào đến mốc giới giải phóng mặt bằng là 10,10m trừ đi phần giải phóng mặt bằng năm 1996 - 1998 diện tích đất phải thu hồi và bồi thường giải phóng mặt bằng được xác định  $13,7m^2$  ( $10,10m - 6,5m \times$  chiều rộng thửa đất) là đảm bảo quyền lợi của người có đất bị thu hồi, cho nên bà H yêu cầu tính tổng diện tích đất phải được bồi thường là  $16,4m^2$  là không có căn cứ.

**Thứ ba, về xác định loại đất bị thu hồi:** Diện tích của bà H có nguồn gốc do ông V khai phá trước ngày 18/12/1980 trên đất có nhà ở. Tuy nhiên, theo Nghị định 203/HĐBT ngày 21/12/1982 về việc ban hành điều lệ bảo vệ đường bộ thì một phần diện tích đất đó thuộc hành lang an toàn giao thông và năm 1992 khi lập bản đồ giải thửa tỷ lệ 1/1000 đã được xác định mốc giới hành lang an toàn giao thông theo quy định. Ủy ban nhân dân thị xã Uông B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nằm ngoài hành lang an toàn giao thông trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã xác định rõ diện tích đất xây dựng  $140m^2$ . Như vậy, hành lang an toàn giao thông đã được thiết lập trước khi bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và khi được cấp giấy chứng nhận bà H không có ý kiến và không khiếu nại gì đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như việc xác định diện tích đất ở, nên đây là căn cứ để xác định loại đất đối với diện tích đất ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại thời điểm xác định phạm vi hành lang an toàn giao thông theo bản đồ giải thửa năm 1992 của bà H, theo Thông tư số 185- TT/PC ngày 26/9/1983 hướng dẫn thi hành điều lệ bảo vệ đường bộ quy định “Để tận dụng đất đai trong hành lang bảo vệ. Điều lệ cho phép trồng cây lương thực, hoa màu và cây công nghiệp....Khi có yêu cầu mở rộng, cải tạo đường xá thì phải trả lại đất cho ngành giao thông vận tải trong thời gian ngắn nhất”. Năm 2015, thực hiện việc mở rộng Quốc lộ 18A giai đoạn hai. Ủy ban nhân dân phường Phương Đông xác định diện tích đất thuộc thửa đất nằm trong hành lang an toàn giao thông của bà H nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp năm 2001 và không có một trong các giấy tờ quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 100 Luật đất đai 2013 là đất trồng cây lâu năm và được Ủy ban nhân dân thành phố Uông B thu hồi bồi thường theo loại đất trồng cây lâu năm là đúng thực tế sử dụng đất đảm bảo quyền lợi của người có đất bị thu hồi.

Thêm nữa, trong quá trình thực hiện, Ủy ban nhân dân thành phố Uông B đã hỗ trợ cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị H bằng 50% giá đất ở, tương đương 100.010.000 đồng (theo Quyết định số 4114/QĐ-UBND ngày 07/02/2016 và Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh) là



đã rất đảm bảo quyền lợi cho bà H cũng như những hộ dân có đất bị thu hồi, cho nên Ủy ban nhân dân thành phố Uông B, tỉnh Quảng Ninh ra Quyết định giải quyết khiếu nại số 6862/QĐ-UBND ngày 22/11/2017 với nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà H trong trường hợp này là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy, người khởi kiện vẫn giữ nguyên nội dung như đơn khởi kiện, theo đó vẫn giữ nguyên quan điểm như quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm; các đương sự đều không bổ sung thêm chứng cứ, tài liệu nào mới. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa cũng cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ, cho nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Bác kháng cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm;
2. Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007427 ngày 21/8/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, TPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Hùng**